

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

* * *

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Viết Ngoan**

2. Bà **Trần Thúy Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhân** – là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Hồng Quốc Vệ** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Bích M** – sinh năm: 1985 (*xin vắng mặt*)

Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận C, thành phố D.

Chỗ ở hiện nay: ấp E, xã F, huyện G, tỉnh H.

Bị đơn: Ông **Lê Hoàng T** - sinh năm: 1978 (*vắng mặt lần 2*)

Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận C, thành phố D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Dương Thị Bích M trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây bà và ông Lê Hoàng T do tự quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2005, sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND phường T – quận O ngày 02/8/2006. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2018 thì ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không tìm được biện pháp hàn

gắn để tiếp tục chung sống. Nay bà M nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà M xác định quá trình chung sống với ông T có 02 con chung tên Lê Hoàng L – sinh ngày 24/02/2006 và Lê Hoàng P – sinh ngày 21/11/2010, hiện cháu L đang sống với ông T, cháu P đang sống với bà M. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P và đồng ý giao cháu L cho ông T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Hoàng T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến Tòa để tham gia giải quyết vụ án. Tòa án có trực tiếp đến địa phương nơi cư trú của ông T để lấy lời khai, tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2022 ông T trình bày như sau: Ông có nhận được Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhưng do bận công việc, đi làm ở xa nên không về tham dự được.

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà M tiến tới hôn nhân năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình vợ chồng chung sống do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp nên đến năm 2019 vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, không có biện pháp hàn gắn tình cảm nhưng nay ông không đồng ý ly hôn với bà M vì cho rằng còn thương vợ con, ông T yêu cầu cho thêm thời gian để tìm cách thuyết phục bà M trở về tiếp tục chung sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà M trình bày ở trên. Khi ly hôn, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà M nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Do ông T vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập để hòa giải nên không tiến hành hòa giải được, vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà M vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát P biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, P biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Dương Thị Bích M được ly hôn với ông Lê Hoàng T.

Về con chung: Giao Lê Hoàng L cho ông Lê Hoàng T nuôi dưỡng; giao cháu Lê Hoàng P cho bà Dương Thị Bích M nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Dương Thị Bích M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Hoàng T, đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về việc “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét việc bà M và ông T đều vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, đối với bà M đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đối với ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Giữa bà M và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã ly thân từ năm 2019 đến nay, hai bên không tìm được biện pháp hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết, Tòa án cũng đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông T không đến Tòa để tham dự, về phía bà M vẫn giữ nguyên ý kiến kiên quyết xin ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà M được ly hôn với ông T là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông, bà xác định có 02 con chung tên Lê Hoàng L – sinh ngày 24/02/2006 và Lê Hoàng P – sinh ngày 21/11/2010. Hội đồng xét xử xét thấy, khi ly hôn ý kiến bà M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P và đồng ý giao cháu L cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của các cháu, nghĩ nên chấp nhận. Về việc cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Dương Thị Bích M được ly hôn với ông Lê Hoàng T.

- Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Lê Hoàng L – sinh ngày 24/02/2006 và Lê Hoàng P – sinh ngày 21/11/2010. Khi ly hôn, giao cháu Lê Hoàng L cho ông Lê Hoàng T nuôi dưỡng; giao cháu Lê Hoàng P cho bà Dương Thị Bích M nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà M và ông T, không ai có quyền cản trở. Bà M và ông T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị Bích M phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004541 ngày 07/7/2022 (công nhận đã nộp xong).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND P. T, Q. O;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN TRUNG HIẾU